

Số: **255/2021/QĐST-HNGĐ**

T H, ngày .0 tháng 12 năm 2021

**QẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THỊNH PHỐ H1 N**

Căn cứ Điều 212, 21. và Điều .97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 8. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị Quyết số .26/2016/UBTVQH14 ngày .0.12.2016 của Ủy ban thường
vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ
phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tH1nh ngày
21/12/2021.

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2.5/2021/TLST-HNGĐ
ngày 15/./2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham
gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải Quyết việc dân sự:

- **Chị Lê Thúy V, sinh năm 1981**; Hộ khẩu thường trú: Tổ ., cụm 1, phường
X L, quận T H, TP H1 N; Hiện trú tại: Số ., ngõ ., Lạc Long Quân, phường X L, quận
T H, TP H1 N.

- **H Ngô Hng P, sinh năm 1980**; Hộ khẩu thường trú: L Q, xã X N, huyện Đông
H, TP H1 N; Hiện trú tại: Số ., ngõ ., Lạc Long Quân, phường X L, quận T H, TP
H1 N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thúy V và h Ngô Hng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu,
đăng ký kết hôn ngày 12/01/2004 tại Ủy ban nhân dân phường X L, quận T H, TP H1
N, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

H, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ cHng chung sống hạnh phúc được
khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm,
lối sống. H, chị cùng xác định tình cảm vợ cHng không còn, mục đích hôn nhân không
đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận
thuận tình ly hôn của chị V, h P là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Q định của pháp
luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị V, h P cùng xác nhận h chị có 2 con chung là Ngô Ngọc
B, sinh ngày 15/./2006 và Ngô P N, sinh ngày 09/./2008. Ly hôn h chị thỏa thuận:
Giao h P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô P N, giao chị V trực tiếp nuôi dưỡng
con chung Ngô Ngọc B. C ác bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau đến khi
con chung tH1nh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

[.] Về tài sản, công nợ chung:

- Về tài sản chung: H P, chị V cùng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

- Về công nợ chung: H P, chị V cùng xác nhận h chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải Quyết.

[4].Về lệ phí: Chị V tự nguyện nộp toàn bộ .00.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị V đã nộp tại biên Li nộp tiền tạm ứng án phí số 00.. ngày 15/./2021 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH1nh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thúy V và h Ngô Hng P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị V, h P có 2 con chung là Ngô Ngọc B, sinh ngày 15/./2006 và Ngô P N, sinh ngày 09/./2008.

Giao h Ngô Hng P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô P N, giao chị Lê Thúy V trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Ngọc B đến khi con chung tH1nh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định thay đổi khác.

Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được Qền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: H P, chị V cùng xác nhận không có, không yêu cầu giải Quyết nên Tòa án không xét.

- Về công nợ chung: H P, chị V cùng xác nhận h chị không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải Quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thúy V tự nguyện nộp toàn bộ .00.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm chị V đã nộp tại biên Li nộp tiền tạm ứng án phí số 00.. ngày 15/./2021 tại Chi cục Thi H1nh án dân sự quận T H.

.. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban H1nh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T H;
- UBND phường X L , quận T H, HN
(đăng ký kết hôn số ./Qền I/2004);
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số .26/2016/UBTVQH14 ngày .0-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Q định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải Quyết việc dân sự:⁽⁶⁾.....

.....

- Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

.. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số .1-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra Quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những N dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không tH1nh. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].